

Số: **1850** /BC-SNNPTNT

Thừa Thiên Huế, ngày 08 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO

Công tác Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản năm 2017 và Kế hoạch trọng tâm năm 2018

Kính gửi: Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản

Thực hiện Công văn số 4486/BNN-QLCL ngày 31/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đôn đốc thực hiện trọng tâm Năm cao điểm hành động và sửa đổi biểu mẫu báo cáo định kỳ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thừa Thiên Huế báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản năm 2017 và kế hoạch trọng tâm năm 2018 như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC NĂM 2017

1. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai chính sách, pháp luật

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thừa Thiên Huế đã chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện và ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn đảm bảo an toàn trong sản xuất nông nghiệp và bảo đảm an toàn thực phẩm như sau:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 11/3/2017 về Kế hoạch hành động Năm cao điểm vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2017;

- Công văn số 711/SNNPTNT-QLCL ngày 22/5/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai thực hiện phổ biến nội dung Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách trong quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp;

- Công văn số 241/SNNPTNT-TTr ngày 06/3/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai Kế hoạch Năm cao điểm thanh, kiểm tra chuyên ngành về quản lý vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Công văn số 17/SNNPTNT-TTr ngày 26/6/2017 của Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác phòng, chống sản xuất kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng là vật tư nông nghiệp, sử dụng chất cấm trong chăn nuôi;

- Công văn số 1560/SNNPTNT-TTBVTV của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 18/10/2017 về việc bàn giao nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với phân bón theo Nghị định 108/2017/NĐ-CP;

- Công văn số 166/KH-UBND ngày 03/3/2017 của UBND huyện Phú Lộc về Kế hoạch Năm cao điểm hành động vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2017;

- Công văn số 70/KH-UBND ngày 27/4/2017 của UBND huyện Phong Điền về Kế hoạch Năm cao điểm hành động vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2017 trên địa bàn huyện Phong Điền năm 2017;

- Công văn số 962/KH-UBND ngày 31/3/2017 của UBND huyện thành phố Huế về Kế hoạch Năm cao điểm hành động vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2017;

- Công văn số 61/KH-UBND ngày 17/5/2017 của UBND huyện Nam Đông về Kế hoạch Năm cao điểm hành động vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Kế hoạch số 161/KH-TTBVTV ngày 19/5/2017 về Kế hoạch Năm cao điểm thanh, kiểm tra chuyên ngành về quản lý vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, phân bón hữu cơ và phân bón khác năm 2017;

Đánh giá chung tình hình triển khai ở các cấp huyện, xã, phường: Công tác chỉ đạo về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh bước đầu đã triển khai có hiệu quả việc quản lý chất lượng nông lâm thủy sản. Đặc biệt, UBND các huyện, thành phố, thị xã, xã phường đã quan tâm đến công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm và chỉ đạo, thực hiện tốt năm cao điểm hành động về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp (9/9 huyện, thị xã và thành phố Huế đã ban hành Kế hoạch thực hiện Năm cao điểm ATVSTP năm 2017). Tuy nhiên, một số chính quyền địa phương cấp xã, phường, thị trấn chưa thực sự quan tâm và chủ động trong công tác quản lý về vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn quản lý.

2. Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật

2.1. Thông tin, truyền thông về quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản: *(Có phụ lục 1 kèm theo)*

- Đánh giá kết quả so với cùng kỳ năm 2016:

Về số lớp tập huấn và số người tham dự: Đã tổ chức 02 hội nghị và 59 lớp tập huấn (tăng 55,7% so với cùng kỳ 2016) với 2.478 người tham dự (tăng 12,9% so với cùng kỳ 2016). Công tác tập huấn ngày càng được quan tâm và nhận thức của người sản xuất, kinh doanh đã nâng cao rõ rệt, nội dung bài giảng tập huấn và nội dung thuyết trình đã chuyên sâu vào các văn bản quy định của nhà nước, các buổi thảo luận được thực hiện sôi nổi và thể hiện vai trò chủ động trong tiếp cận chính sách của người sản xuất, kinh doanh.

Công tác truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng: Phát sóng 08 phóng sự truyền hình (giảm 15 phóng sự so với năm 2016); phát hành 5.794 tờ rơi (giảm 69,5% so với năm 2016); 08 Pano tuyên truyền về an toàn thực phẩm; Có trên 50 mẫu tin bài đăng trên Website của Sở Nông nghiệp và Phát

triển nông thôn (tăng 30% so với năm 2016). Ngoài ra, các đơn vị chuyên môn đã phối hợp với các tổ chức, địa phương liên quan thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về hoạt động sản xuất, kinh doanh Vật tư nông nghiệp và sản phẩm Nông lâm thủy sản. Thường xuyên lồng ghép các nội dung tuyên truyền trong quá trình triển khai nhiệm vụ tại địa bàn, cơ sở.

Nhìn chung, thông qua công tác truyền thông về an toàn thực phẩm, nhận thức của người tiêu dùng, người kinh doanh, nhà sản xuất hiện nay đã được nâng cao rõ rệt thể hiện qua các mặt: Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh được đánh giá xếp loại A, B tăng, số cơ sở loại C giảm đáng kể. Nhu cầu người tiêu dùng tìm kiếm sản phẩm an toàn tăng (tập trung tại các điểm kinh doanh lớn như siêu thị, cơ sở kinh doanh, sản xuất uy tín và cửa hàng nông sản an toàn).

Hiện nay, tuy nguồn kinh phí cho hoạt động tuyên truyền giảm nhiều nhưng các hình thức tuyên truyền lại trở nên đa dạng hơn, có sự phối hợp, quan tâm của nhiều đơn vị truyền thông cũng như đa số người sản xuất và tiêu dùng đối với lĩnh vực an toàn thực phẩm. Các cơ quan chức năng thường xuyên phối hợp tuyên truyền lồng ghép trong hoạt động chuyên môn, thực địa, chỉ đạo sản xuất tại các địa bàn, nhất là đối với các hoạt động trực tiếp có người dân tham gia.

2.2. Hỗ trợ xây dựng, kết nối chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn

Danh sách chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn tính đến 12/2017 như sau:

(Có Phụ lục 2 kèm theo)

Đánh giá, nhận xét:

- Việc triển khai thí điểm xác nhận sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cho 05 sản phẩm gồm 03 sản phẩm gạo và 02 sản phẩm thịt lợn bước đầu đã mang lại niềm tin cho người tiêu dùng đối với một số sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Ngoài các sản phẩm trên, một số sản phẩm nông lâm thủy sản cũng đã hình thành các chuỗi cung ứng sản phẩm nông lâm thủy sản, với khâu sản xuất ban đầu đã được chứng nhận VietGAP gồm 40 hecta sản xuất rau má xã Quảng Thọ dùng cho sản xuất trà rau má sấy khô, trà rau má túi lọc, cao rau má; 35 hecta sản xuất 08 loại rau xã Quảng Thành, 17 hecta hành lá phường Hương An. Tuy nhiên, các công đoạn sản xuất trong chuỗi như cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến và nơi bày bán sản phẩm không cố định và chưa được chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm; kinh phí phân tích mẫu để được xác nhận sản phẩm an toàn quá cao nên các cơ sở không đủ khả năng tài chính để xác nhận cùng lúc nhiều sản phẩm an toàn. Vì vậy, việc xây dựng và kết nối chuỗi sản phẩm nông sản an toàn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế còn gặp nhiều khó khăn.

2.3. Lấy mẫu giám sát an toàn thực phẩm: *(Có phụ lục 3 kèm theo)*

a. Đối với mẫu phân tích tại phòng kiểm nghiệm: Số mẫu được giám sát năm 2017 là 130 mẫu gửi đến phòng phân tích kiểm nghiệm (tăng 7,6% so với cùng kỳ 2016) tập trung giám sát, kiểm tra lấy mẫu đối với các mẫu có nguy cơ gây mất an toàn thực phẩm cao trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt chú trọng đối với mẫu

bị nhiễm năm 2016 như hàn the, kim loại nặng, vàng ô. Kết quả cho thấy, tỷ lệ mẫu không đạt là 13/130 mẫu, chiếm tỷ lệ 7,7% (giảm 10,6% so với năm 2016). Chỉ tiêu mẫu không đạt chủ yếu là hàn the, vàng ô và kim loại nặng.

b. Đối với mẫu kiểm tra nhanh tại hiện trường: Số mẫu được giám sát năm 2017 là 315 mẫu (chỉ giảm 1% so với cùng kỳ 2016) tập trung giám sát, kiểm tra đối với các chỉ tiêu như nitrat, salbutamol, clenbuterol, phẩm màu, nitrit, vi sinh, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật... Kết quả cho thấy, tỷ lệ mẫu không đạt là 55/315 mẫu thử, chiếm tỷ lệ 17,4% (tăng 11,8% so với năm 2016). Chỉ tiêu mẫu không đạt chủ yếu là hàn the trong chả và dư lượng nitrat trong rau quả.

Nhận xét chung:

Tổng số mẫu giám sát năm 2017 là 445 mẫu, giảm 228 mẫu so với năm 2016 (giảm 33,8% so với cùng kỳ năm 2016). Số mẫu không đạt năm 2017 là 68/445 mẫu, chiếm tỷ lệ 15,2%, tăng 8,8% so với năm 2016 (số mẫu không đạt năm 2016 là 43/673 mẫu, chiếm tỷ lệ 6,4%). Tỷ lệ mẫu nhiễm năm 2017 tăng lên là do tập trung kiểm tra đối với chỉ tiêu có nguy cơ mất an toàn thực phẩm và sử dụng phổ biến trên thị trường nhằm xử lý kịp thời ngăn chặn tình trạng mất an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt chú trọng chỉ tiêu hàn the và nitrat nên số mẫu phát hiện không đạt có xu hướng tăng đột biến (12/67 mẫu rau quả có dư lượng nitrat không đạt, chiếm tỷ lệ 17,9% và 43/162 mẫu chả có phát hiện hàn the, chiếm tỷ lệ 69,3% tổng số mẫu cùng loại).

Đối với các mẫu không đạt, nguyên nhân chủ yếu là do sự chủ quan và nhận thức của một số người sản xuất trong việc sử dụng phụ gia thực phẩm, hơn nữa hiện nay chưa có phụ gia bảo quản thay thế chất hàn the phù hợp trong thời tiết nhiệt độ cao mà không cần bảo quản lạnh, mặc dù người sản xuất đã được biết và hiểu rõ hàn the là chất cấm. Các đoàn kiểm tra, giám sát đã phát hiện và tiêu hủy sản phẩm chả có hàn the ngay tại hiện trường bước đầu đã có tác động đến nhận thức của cộng đồng, đặc biệt là người kinh doanh và người tiêu dùng đã quan tâm hơn và tìm mua sản phẩm an toàn thời gian đến. Các trường hợp vi phạm đã được cảnh báo, làm cơ sở cho công tác kiểm tra, thanh tra đột xuất, truy xuất nguồn gốc và xử lý nhằm ngăn chặn tái phạm.

Khó khăn trong xử lý kết quả giám sát là thời gian nhận kết quả phân tích phản hồi từ các đơn vị kiểm nghiệm thường chậm từ 5-10 ngày, trong khi thời gian tiêu thụ sản phẩm diễn ra nhanh trong 1-2 ngày khiến cơ quan quản lý gặp nhiều khó khăn trong xác minh, truy xuất nguồn gốc (do cơ sở ghi chép truy xuất nguồn gốc không đảm bảo yêu cầu) và trong xử lý các mẫu sản phẩm giám sát có chỉ tiêu phân tích không đạt (việc thu hồi đối với các sản phẩm tiêu thụ nhanh như thịt, rau,... không thể thực hiện).

2.4. Hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

2.4.1. Kiểm tra, phân loại cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN, sản phẩm nông lâm thủy sản, xử lý cơ sở loại C theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

- Đối với Phần mềm báo cáo định kỳ và thống kê số liệu triển khai Thông tư số 45 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, việc cập nhật số liệu kiểm tra lũy kế được thực hiện liên tục theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Kết quả kiểm tra, phân loại cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN, sản phẩm nông lâm thủy sản tính đến tháng 12/2017 như sau:

TT	Đơn vị	Tổng số cơ sở	Kết quả xếp loại				Không đánh giá (nghỉ sản xuất)
			Tổng	A	B	C	
1	Chi cục QLCL NLS và TS	295	278	47	215	0	16
2	Chi cục Thủy sản	452	332	78	252	0	02
3	Chi cục TT- BVTV	281	158	149	06	0	03
4	Chi cục CN-TY	145	126	45	81	0	0
5	Chi cục Kiểm lâm	75	75	29	40	6	0
TỔNG CỘNG		1.248	969	348	594	6	21

- Cập nhật danh sách cập nhật kết quả thống kê, kiểm tra, xếp loại các cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản: *(Có phụ lục 4 kèm theo)*

Nhận xét chung:

Tổng số cơ sở được thống kê là 1.248 cơ sở (số cơ sở được thống kê năm 2016 là 1.079 cơ sở), tăng 13,5% so với cùng kỳ năm 2016. Kết quả số cơ sở được kiểm tra, xếp loại là 969 cơ sở, chiếm tỷ lệ 77,6%, tăng 28% so với năm 2016 (số cơ sở kiểm tra, xếp loại năm 2016 là 697 cơ sở). Tỷ lệ số cơ sở kiểm tra xếp loại trên tổng số cơ sở thống kê năm 2017 tăng 13,1% so với năm 2016.

Trong đó:

- Số cơ sở loại A là 348 cơ sở, chiếm tỷ lệ 35,9% tổng số cơ sở được kiểm tra, tăng 18,9% so với năm 2016; tỷ lệ số cơ sở loại A trên tổng số cơ sở được kiểm tra, xếp loại năm 2017 giảm 4,5% so với năm 2016;

- Số cơ sở xếp loại B là 594 cơ sở, chiếm tỷ lệ 61,3% tổng số cơ sở được kiểm tra, tăng 38,2% so với số cơ sở xếp loại B năm 2016; tỷ lệ số cơ sở xếp loại B so với tổng số cơ sở được xếp loại năm 2017 tăng 8,7% so với năm 2016;

- Số cơ sở loại C năm 2017 là 06 cơ sở, chiếm tỷ lệ 0,6% tổng số cơ sở được kiểm tra, giảm 87,5% so với số cơ sở loại C năm 2016; tỷ lệ số cơ sở loại C so với tổng số cơ sở được kiểm tra phân loại năm 2017 giảm 6,3% so với năm 2016.

Nhìn chung, công tác kiểm tra, xếp loại về đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm được duy trì tốt, đúng thời hạn và đúng tần suất theo quy định. Số cơ sở đạt A,B ngày càng tăng lên, số cơ sở xếp loại C giảm đi đáng kể. Trong quá trình kiểm tra, xếp loại, các đoàn đã tiến hành kiểm tra, hướng dẫn, nhắc nhở để cơ sở khắc phục điều kiện sản xuất, sửa chữa sai lỗi đúng thời hạn cam kết.

2.4.2. Kết quả triển khai Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 ban hành Quy định điều kiện bảo đảm ATTP và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ:

- UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế đã có văn bản chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn phối hợp với các đơn vị chuyên ngành liên quan để tổ chức triển khai quán triệt đến các chủ cơ sở thực hiện ký cam kết sản xuất an toàn trên tất cả các lĩnh vực chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản.

Tổng hợp kết quả ký cam kết các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ tính đến 12/2017 như sau:

T T	Đơn vị	Tổng lũy kế số cơ sở ký cam kết (hộ)	Trong đó				Kiểm tra việc thực hiện cam kết năm 2017 (đoàn)	Số hộ được kiểm tra việc thực hiện cam kết (hộ)	Kết quả hộ vi phạm
			Chăn nuôi	Trồng trọt	Nuôi trồng Thủy sản	Khai thác thủy sản			
1	Thành phố Huế	2.000	731	1.266	3	0	0	0	0
2	Thị xã Hương Trà	752	652	100	0	0	0	0	0
3	Thị xã Hương Thủy	317	317	0	0	0	02	15	0
4	Huyện Nam Đông	30	30	0	0	0	0	0	0
5	Huyện Phú Lộc	2.678	360	800	1.518	0	02	04	0
6	Huyện A Lưới	234	170	37	27	0	02	24	0
7	Huyện Quảng Điền	2.253	2.214	39	0	0	02	18	0
8	Huyện Phú Vang	153	36	65	52	0	01	30	0
9	Huyện Phong Điền	1.667	1.070	266	114	217	0	0	0
	Tổng cộng:	10.084	5.580	2.573	1.714	217	09	91	0

Nhận xét chung:

Năm 2017, đối tượng thực hiện cam kết được triển khai trên cả 04 đối tượng gồm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và khai thác (Năm 2016 toàn tỉnh chỉ thực hiện ký cam kết đối với đối tượng chăn nuôi). Lũy kế tính cuối năm 2017, toàn tỉnh có 10.084 hộ ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn (năm 2016 có 5.184 hộ ký cam kết), tăng 48,6% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, có 5.580 hộ chăn nuôi được ký cam kết, chiếm tỷ lệ 55,3% (tăng 7% so với cùng kỳ năm 2016, năm 2016 toàn tỉnh chỉ thực hiện cam kết đối tượng chăn nuôi); có 2.573 hộ trồng trọt được ký cam kết, chiếm tỷ lệ 25,5%; có 1.714 hộ nuôi trồng thủy sản được ký cam kết, chiếm tỷ lệ 17%; có 217 hộ khai thác thủy sản được ký cam kết, chiếm tỷ lệ 2,2% so với tổng số hộ thực hiện ký cam kết.

Toàn tỉnh có 09 đoàn kiểm tra thực hiện cam kết với 91 hộ được kiểm tra. Kết quả không phát hiện vi phạm việc thực hiện cam kết (Năm 2016, toàn tỉnh chưa triển khai công tác kiểm tra việc thực hiện cam kết). Qua đó cho thấy công tác triển khai Thông tư 51 được UBND các huyện, Thành phố, Thị xã quan tâm

và triển khai một cách đồng bộ và sâu rộng đến mọi đối tượng sản xuất ban đầu nhỏ lẻ, đặc biệt là đối tượng chăn nuôi nhỏ lẻ.

2.4.3. Kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về VTNN, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; truy xuất, thu hồi và xử lý các sản phẩm VTNN, nông lâm thủy sản không đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm

a) Về vật tư nông nghiệp

Bảng tổng hợp thanh tra, kiểm tra vật tư nông nghiệp năm 2017

Loại vật tư nông nghiệp	Thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch				Thanh tra, kiểm tra đột xuất			
	Tổng số cơ sở	Số cơ sở vi phạm	Số cơ sở vi phạm bị phạt tiền	Tổng số tiền phạt (triệu đồng)	Tổng số cơ sở	Số cơ sở vi phạm	Số cơ sở vi phạm bị phạt tiền	Tổng số tiền phạt (triệu đồng)
Thức ăn chăn nuôi	42	1	1	2.5	0	0	0	0
Thức ăn thủy sản	14	1	1	15	2	0	0	0
Thuốc BVTV và phân bón	86	7	6	6	0	0	0	0
Thuốc thú y	55	1	1	5.5	20	3	3	8
Phân bón (bán chung thuốc BVTV)	24	0	0	0	0	0	0	0
Khác								
Tổng cộng	221	10	9	29	22	3	3	8

- Về thức ăn chăn nuôi và thủy sản: Trong năm 2017, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Thủy sản đã tiến hành thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch 56 cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn trong chăn nuôi và thủy sản; trong đó 42 cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi và 14 cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn thủy sản. Kết quả thanh tra đã phát hiện, xử lý và phạt tiền 02 cơ sở vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt là 17,5 triệu đồng; phạt tiền và buộc tạm ngừng sản xuất 01 cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản chưa được phép lưu hành.

- Về thuốc thú y: Trong năm 2017, Chi cục Chăn nuôi và Thú y đã tổ chức 75 cuộc thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc thú y; trong đó thanh tra, kiểm tra đột xuất là 20 trường hợp. Kết quả đã xử phạt 04 cơ sở vi phạm (trong đó có 03 cơ sở thanh tra đột xuất và 01 cơ sở thanh tra theo kế hoạch) với tổng số tiền là 13,5 triệu đồng.

- Về thuốc bảo vệ thực vật và phân bón: Trong năm 2017, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đã tiến hành thanh tra, kiểm tra 92 cơ sở buôn bán thuốc Bảo vệ thực vật và Phân bón; trong đó có 86 cơ sở được thanh kiểm tra theo kế hoạch. Kết quả có 07 cơ sở bị xử lý vi phạm, trong đó 06 cơ sở (04 cơ sở thuốc

BVTV hết hạn sử dụng và 02 cơ sở thuộc không đảm bảo chất lượng) với tổng số tiền phạt là 06 triệu đồng và 01 cơ sở bị phạt cảnh cáo.

Nhận xét chung:

Trong năm 2017, tổng số cơ sở được thanh tra đột xuất và thanh tra theo kế hoạch đối với lĩnh vực vật tư nông nghiệp 243 cơ sở (năm 2016 thanh tra 183 cơ sở), tăng 24,6% so với năm 2016. Số cơ sở thanh kiểm tra chiếm tỷ lệ 19,4% số cơ sở được thống kê trên toàn tỉnh.

Trong đó, số cơ sở thanh tra theo kế hoạch là 221 cơ sở, chiếm 90% trong tổng số cơ sở, tăng 22,6% so với năm 2016; số cơ sở thanh tra đột xuất là 22 cơ sở, tăng 45% so với năm 2016. Số cơ sở vi phạm là 12 cơ sở (chiếm tỷ lệ 4,9% so với tổng số cơ sở được thanh kiểm tra), số cơ sở vi phạm năm 2017 tăng 0,5% so với cùng kỳ năm 2016. Tổng số tiền phạt năm 2017 là 37 triệu đồng, giảm 156 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2016.

b. Về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản

Bảng tổng hợp thanh tra, kiểm tra sản phẩm nông thủy sản năm 2017

Loại sản phẩm nông lâm thủy sản	Thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch				Thanh tra, kiểm tra đột xuất			
	Tổng số cơ sở	Số cơ sở vi phạm	Số cơ sở vi phạm bị phạt tiền	Tổng số tiền phạt (triệu đồng)	Tổng số cơ sở	Số cơ sở vi phạm	Số cơ sở vi phạm bị phạt tiền	Tổng số tiền phạt (triệu đồng)
Thịt và các sản phẩm thịt (thú y)	63	0	0	0	57	23	23	128
Thủy sản và các sản phẩm thủy sản	27	3	3	3.8	6	0	0	0
Thực vật và các sản phẩm thực vật	10	1	1	0.4	2	0	0	0
Tổng cộng	100	4	4	4.2	65	23	23	128

Trong năm 2017, đã tiến hành thanh tra 165 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản (năm 2016 tiến hành thanh tra 127 cơ sở), tăng 23% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, số cơ sở thanh tra theo kế hoạch là 100 cơ sở, tăng 9%; số cơ sở thanh kiểm tra đột xuất là 65 cơ sở, tăng 44,6% so với cùng kỳ năm 2016. Tổng số tiền phạt là 132,2 triệu đồng (số tiền phạt năm 2016 là 97,8 triệu đồng), tăng 34,4 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2017.

Các trường hợp vi phạm này hầu hết là các cơ sở sản xuất, kinh doanh thịt và các sản phẩm thịt. Hành vi vi phạm chủ yếu là do không có giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và sử dụng phụ gia, chất hỗ trợ chế biến quá thời hạn.

3. Tăng cường nguồn lực

Nhìn chung, cơ cấu về nhân sự của các cơ quan chuyên ngành cấp tỉnh, cấp huyện phân bổ còn thiếu. Đặc biệt, đối với cấp huyện, số lượng biên chế quá ít, lĩnh vực phụ trách rộng, đa số cán bộ hoạt động kiêm nhiệm, các Huyện, Thị xã, Thành phố chưa có cán bộ chuyên trách lĩnh vực vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản. Vì vậy, về mặt quản lý nhà nước, hiệu quả triển khai và phối hợp giữa cấp tỉnh và cấp huyện vẫn còn nhiều hạn chế. Bộ máy cấp huyện chưa đủ năng lực và nhân lực để triển khai sâu rộng công tác phân công, phân cấp quản lý đến cơ sở sản xuất ban đầu, cơ sở nhỏ lẻ ở địa phương, điển hình là việc triển khai phân cấp và thực hiện Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn còn gặp nhiều khó khăn.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn luôn tạo điều kiện, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn đối với cán bộ chuyên trách quản lý chất lượng địa phương, cử cán bộ tham gia nhiều lớp đào tạo của cơ quan Trung ương, các Trường Nông nghiệp I và II tổ chức.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Việc triển khai đánh giá phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản theo Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT giúp người dân biết và thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật. Thể hiện vai trò quản lý Nhà nước của đơn vị trong lĩnh vực phụ trách, kịp thời tuyên truyền, ngăn chặn các trường hợp vi phạm gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh Vật tư nông nghiệp và sản phẩm Nông lâm thủy sản trên địa bàn Tỉnh đã dần dần đi vào nề nếp, ý thức chấp hành pháp luật nâng cao rõ rệt; chú trọng đầu tư trang thiết bị, nâng cấp, sửa chữa nhà xưởng; hoàn thiện các thủ tục nhằm đảm bảo các điều kiện theo quy định, sản xuất thân thiện với môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm.

Công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện quyết liệt hơn, thể hiện vai trò quản lý Nhà nước của đơn vị trong lĩnh vực phụ trách, kịp thời tuyên truyền, ngăn chặn các trường hợp vi phạm gây mất an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn.

a. Thuận lợi

- Được sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân Tỉnh trong triển khai thực hiện công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản. Sự phối hợp tích cực giữa các cơ quan chức năng có liên quan (ngành Y tế, Công thương, Nông nghiệp, Công an, truyền hình, Hội nông dân tỉnh, UBMTTQVN tỉnh...) đã tạo nên nhiều chuyển biến rõ rệt trong các hoạt động tuyên truyền, đấu tranh ngăn chặn các trường hợp vi phạm gây mất an toàn thực phẩm các trên địa bàn toàn tỉnh.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 206/QĐ-SNNPTNT ngày 12/4/2016 theo chủ trương của Quyết định số 1290/QĐ-BNN-TCCB ngày 17/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nhằm phân công rõ ràng nhiệm vụ quản lý giữa các Chi cục chuyên ngành thuộc Sở, hạn chế sự chồng chéo và tăng cường hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị.

- Sự chủ động của các đơn vị chuyên ngành trong việc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các Thông tư và Chỉ thị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại địa phương. Cụ thể: tổ chức kiểm tra theo kế hoạch đúng tiến độ, báo cáo kịp thời các vấn đề, nhất là các vụ việc sai phạm, chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng (truyền thông, cơ quan địa phương, ngành công an...) để triển khai nhiệm vụ có hiệu quả nhất. Qua đó đã thể hiện được vai trò quản lý Nhà nước của đơn vị trong lĩnh vực phụ trách, kịp thời tuyên truyền, ngăn chặn các trường hợp vi phạm.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, thanh tra chuyên ngành luôn được quan tâm nên trình độ chuyên môn và nghiệp vụ của cán bộ công chức từng bước đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ được giao trong tình hình mới.

b. Hạn chế, tồn tại

- Một số Huyện, Thành phố, Thị xã chưa chú trọng triển khai thực hiện theo Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT một cách đầy đủ, đồng bộ trên các lĩnh vực sản xuất ban đầu nhỏ lẻ; chưa quan tâm, đầu tư đúng mức về nguồn lực (về nhân sự, tài chính, kế hoạch, chiến lược...) để thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm tại địa phương.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục và phổ biến kiến thức pháp luật ATTP chưa được thường xuyên, sâu rộng cho người dân. Vì vậy, nhận thức của một số cơ sở chưa cao, nhất là đối với các cơ sở tuyến Huyện, xã, phường dẫn đến việc kiểm tra và xử lý vi phạm gặp nhiều khó khăn.

- Đa số các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản có quy mô nhỏ lẻ, tự phát và số cơ sở quản lý biến động liên tục nên cơ quan quản lý chưa nắm bắt kịp thời.

- Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT còn có một số điểm chưa phù hợp với thực tế nên việc triển khai còn gặp nhiều khó khăn. Điển hình như một số biên bản kiểm tra chưa phù hợp với quy mô hộ gia đình nhỏ lẻ (Biên bản 2.23, 2.9..), số cơ sở quản lý trên địa bàn quá lớn, tuy nhiên tần suất kiểm tra 2 lần/năm đối với xếp loại B về sản phẩm nông lâm thủy sản nên nhiều đơn vị không đủ nguồn lực để thực hiện theo đúng tần suất quy định. Bên cạnh đó, nếu thực hiện đúng tần suất kiểm tra thì sẽ trái với 20/Ct-TTg ngày 17/5/2017 về việc chấn chỉnh hoạt động thanh kiểm tra đối với doanh nghiệp.

- Việc thu phí kiểm tra được thực hiện theo Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính về kiểm tra định kỳ, thẩm định theo hướng dẫn Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT còn gặp nhiều lúng túng. Điển hình như đối với cơ sở đã được kiểm tra định kỳ thực hiện thu phí (350.000 đồng), trong thời hạn đó cơ sở đăng ký để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn

thực phẩm do hết hạn thì được sử dụng biên bản kiểm tra định kỳ để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm nhưng chưa có quy định không thu phí thẩm định (700.000 đồng) đối với trường hợp này. Trường hợp này các cơ sở, doanh nghiệp chịu hai lần phí cùng trong một thời điểm (phí chồng phí).

- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính không quy định mức thu đối với cấp huyện/thành phố/ thị xã nên việc triển khai công tác phân công, phân cấp về cấp huyện để thực hiện Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT còn gặp nhiều khó khăn.

- Theo Nghị định 66/2016/NĐ-CP ngày 11/7/2016 quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật giống cây trồng, nuôi động vật rừng thông thường, chăn nuôi, thủy sản, thực phẩm và Khoản 1,2 Điều 59 của Nghị định 59/2005/NĐ-CP ngày 4/5/2005 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh một số ngành nghề thủy sản thì không yêu cầu các đối tượng nuôi trồng thủy sản có giấy kinh doanh. Trong một số trường hợp như hợp tác xã nuôi trồng thủy sản, trang trại có giấy phép kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Thông tư số 45 nghĩa là phải được cấp giấy đủ điều kiện theo quy định. Như vậy, đối tượng nuôi trồng thủy sản có giấy phép kinh doanh phải cấp giấy đủ điều kiện an toàn thực phẩm, còn đối tượng không có giấy phép kinh doanh thì không phải cấp giấy đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Vì vậy, cần xem xét để đưa đối tượng nuôi trồng thủy sản có hay không có giấy đăng ký kinh doanh đều thực hiện quản lý theo Thông tư số 51.

2. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

- UBND các cấp Huyện, xã chưa quan tâm đến công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, đặc biệt là công tác triển khai nội dung của Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT theo phân công tại Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản có quy mô nhỏ lẻ, tự phát và số lượng cơ sở do ngành Nông nghiệp và PTNT quản lý biến động liên tục; diễn biến tình hình sản xuất, kinh doanh trên thị trường đa dạng, phức tạp.

- Thiếu kinh phí nên việc triển khai công tác giám sát, tuyên truyền, giáo dục và phổ biến kiến thức pháp luật an toàn thực phẩm chưa được thường xuyên, sâu rộng cho người dân cũng như các đối tượng sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản.

- Biên chế tinh giảm, lực lượng cán bộ lại không chuyên trách nên lực lượng làm công tác quản lý chất lượng còn thiếu.

- Biểu mẫu kiểm tra được ban hành chưa phù hợp với điều kiện thực tế với quy mô sản xuất hộ gia đình nên công tác quản lý, kiểm tra đánh giá còn nhiều lúng túng.

III. KẾ HOẠCH TRỌNG TÂM NĂM 2018

1. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai chính sách, pháp luật

Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị chuyên ngành xây dựng lồng ghép một số cơ chế, chính sách trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản và Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật

2.1. Thông tin, truyền thông về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản

- Tiếp tục tăng cường tổ chức các hoạt động tuyên truyền bằng nhiều hình thức đến người tiêu dùng, người sản xuất, kinh doanh trên các lĩnh vực Vật tư nông nghiệp, Nông lâm thủy sản.

- Phổ biến tuyên truyền pháp luật, cơ chế, chính sách mới đến các bộ phận người sản xuất, kinh doanh bằng tập huấn, PANO và tờ rơi, phóng sự, giới thiệu mô hình điểm (VietGAP, HACCP...) sản xuất Nông lâm thủy sản an toàn, xây dựng các chuyên đề về an toàn thực phẩm vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp,... chú trọng việc quảng bá, nhân rộng các mô hình đã thực hiện thành công đến các huyện, xã khác.

2.2. Hỗ trợ xây dựng, kết nối chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn

- Tiếp tục hướng dẫn hỗ trợ, hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh các mô hình sản xuất tiên tiến theo VietGAP, GAP, HACCP và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Tiếp tục thực hiện xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn đối với các sản phẩm đáp ứng theo Quyết định số 3075/QĐ-BNNPTNT trên địa bàn tỉnh.

2.3. Hoạt động lấy mẫu, giám sát an toàn thực phẩm

Thực hiện các chương trình lấy mẫu, giám sát các sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn để phát hiện, điều tra nguyên nhân, truy xuất nguồn gốc các sản phẩm có dấu hiệu vi phạm, tổ chức cảnh báo đồng thời tiến hành kiểm tra xử lý vi phạm các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản vi phạm các chất cấm gây mất an toàn thực phẩm.

2.4. Hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

- Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra xếp loại, kiểm tra định kỳ, tái kiểm tra cơ sở xếp loại C theo đúng quy định. Đặc biệt, chú trọng kiểm tra định kỳ 100% đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện An toàn thực phẩm.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm soát đột xuất các chế biến kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản, cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư thủy sản, giống cây trồng lâm nghiệp theo đúng chức năng nhiệm vụ được giao. Đi sâu vào công tác lấy mẫu và phân tích chất lượng sản phẩm nông lâm thủy sản, dư lượng các hóa chất trong sản phẩm.

- Chủ động và phối hợp với các Sở và Đơn vị liên quan để thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh, các sản phẩm có dấu hiệu vi phạm nguy cơ mất an toàn thực phẩm để kịp thời xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

2.5. Giải quyết các sự cố gây mất an toàn thực phẩm trong nước: Phối hợp với các cơ quan ban ngành liên quan trong tỉnh để giải quyết các sự cố gây mất an toàn thực phẩm xảy ra. Trong năm 2017 không có trường hợp ngộ độc thực phẩm hàng loạt xảy ra trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Tăng cường nguồn lực

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức, viên chức của các Chi cục chuyên ngành để thực hiện nhiệm vụ, nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng Vật tư nông nghiệp và An toàn thực phẩm Nông lâm thủy sản.

- Triển khai có hiệu quả Đề án tăng cường năng lực quản lý chất lượng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế để từng bước đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật cho công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản và đầu tư trọng điểm cho các dự án ưu tiên để mua sắm các trang thiết bị đáp ứng điều kiện làm việc và công tác kiểm nghiệm mẫu an toàn thực phẩm có hiệu quả.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có một số kiến nghị như sau:

- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và các Cục Chuyên ngành liên quan tổ chức các lớp tập huấn về nghiệp vụ lấy mẫu, kiểm tra, thanh tra theo quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BNN-PTNT và Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT nhằm tăng cường năng lực cán bộ chuyên môn cũng như tạo điều kiện trao đổi học tập về công tác quản lý từ trung ương đến địa phương và giữa các địa phương với nhau.

- Các Cục Chuyên ngành tăng cường hơn nữa công tác thông tin tuyên truyền, quảng bá các mô hình chuỗi sản xuất thực phẩm an toàn trên các phương tiện thông tin; hướng dẫn các địa phương về xây dựng kinh phí triển khai, tổ chức thực hiện các mô hình thí điểm về chuỗi An toàn thực phẩm; công khai cơ sở dữ liệu trên mạng thông tin về nhãn thuốc, Giấy đăng ký thuốc để các Chi cục so sánh đối chứng khi kiểm tra nhãn thuốc lưu thông trên thị trường để địa phương tham mưu Tỉnh thực hiện;

- Bổ sung, điều chỉnh Thông tư 45/2014/TT-BNN-PTNT và biểu mẫu kiểm tra, đánh giá phân loại phù hợp với quy mô và tình hình thực tế.

- Cục Bảo vệ Thực vật, Cục Trồng trọt cần có kế hoạch phối hợp chỉ đạo thống nhất trong báo cáo, hội nghị, hội thảo, tập huấn đối với các Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật mới được thành lập theo Thông tư liên tịch số

14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 và Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015.

- Hiện nay, theo Nghị định 66/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2016 đã bỏ các điều kiện đăng ký kinh doanh. Vì vậy nội dung kiểm tra theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 ban hành Quy định điều kiện bảo đảm ATTP và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ nên gộp lại thành một nội dung kiểm tra, đánh giá và nên áp dụng đưa ra tiêu chí phù hợp để đánh giá các cơ sở có quy mô lớn.

- Hiện cơ sở sản xuất nhỏ lẻ rất nhiều ở các lĩnh vực, vấn đề tổ chức ký cam kết và kiểm tra các cơ sở ở địa phương rất khó thực hiện vì không có nhân lực và kinh phí để tổ chức thực hiện; đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT rà soát chú trọng đưa vào danh mục những nội dung quản lý mang tính cấp thiết.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính báo cáo Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản để tổng hợp và có ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ NN và PTNT (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Tổng cục TS;
- Cục Thú y;
- Cục Bảo vệ Thực vật;
- Cục Trồng trọt;
- Cục Kiểm lâm;
- Cục QLCL NLS và TS;
- GD và PGD Sở Phụ trách;
- Các Chi cục: QLCL NLS và TS; Thú y; Thủy sản; TT và BVTV; Kiểm lâm;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Phụ lục 1:

Tổng hợp về công tác thông tin, truyền thông về quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản
(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNNPTNT ngày /12/2017 của Sở NN và PTNT)

TT	Hoạt động thông tin, truyền thông	Nội dung	Số lượng buổi	Đối tượng	Số người tham dự/phạm vi bao phủ
I	Hội nghị, tập huấn (58 lớp, 2.450 người)				
1	Hội nghị (01)	Tổng kết công tác quản lý Chất lượng, ATTP năm 2016, kế hoạch trọng tâm năm 2017	02 buổi	Lãnh đạo các cơ quan ban ngành cấp tỉnh, huyện, xã.	50
2	Hội nghị (01)	Sơ kết công tác QLCL vật tư nông nghiệp và ATTP 6 tháng đầu năm 2017	01 buổi	Lãnh đạo các cơ quan ban ngành cấp tỉnh	20
3	Tập huấn (01)	Phổ biến quy định về SXKD giống cây trồng LN	04 buổi	Cán bộ quản lý và kỹ thuật về giống LN	60
4	Tập huấn (04)	Triển khai các quy định về sản xuất, kinh doanh giống, thức ăn, chất cải tạo môi trường đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	08 buổi	Thành viên hội nghề cá nuôi trồng thủy sản	120
5	Tập huấn (02)	Sản xuất hành lá theo hướng VietGap trên địa bàn Hương An, Thị xã Hương Trà	08 buổi	Các hộ sản xuất hành lá tại phường Hương An, thị xã Hương Trà	60
6	Tập huấn(09)	ứng dụng tiến bộ kỹ thuật tăng năng suất, hiệu quả sản xuất lúa trên đất nhiễm phèn, mặn ven phá	04 buổi/lớp	Nông dân	390/390
7	Tập huấn (26)	Sản xuất theo mô hình thực hiện 3 giảm 3 tăng trên cây lúa	08 buổi/lớp	Nông dân	990/1118
8	Tập huấn (12)	Tập huấn VietGAP		Nông dân	480/480
9	Tập huấn (02)	Tập huấn nâng cao kiến thức về sản xuất, kinh doanh, sử dụng giống, phân bón.		Cán bộ kỹ thuật cơ sở và cá nhân	80/80
10	Tập huấn (01)	Chế biến, bảo quản thực phẩm và xúc tiến thương mại nông lâm thủy sản	04 buổi/lớp	Hộ nông dân và các cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản	28
11	Tập huấn (01)	Tuyên truyền phổ biến Luật ATTP, Luật Thú y và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.	02 buổi/lớp	Cán bộ thú y tỉnh, huyện và các đối tượng chăn nuôi, kinh doanh, giết mổ gia súc, gia cầm	100

12	Tập huấn (01)	Tuyên truyền phổ biến Luật An toàn thực phẩm, Luật Thú y và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan	02 buổi	Cán bộ thú y tỉnh, huyện và các đối tượng chăn nuôi, kinh doanh, giết mổ gia súc, gia cầm.	100
II Truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng					
1	Phóng sự	- Quảng bá các cơ sở sản xuất kinh doanh mắm và sản phẩm dạng mắm đảm bảo an toàn thực phẩm.	01	Đài TRT	Toàn tỉnh
2	Phóng sự	- Quảng bá các cơ sở chế biến, kinh doanh nông sản đảm bảo an toàn thực phẩm.	01	Đài TRT	Toàn tỉnh
3	Phóng sự truyền hình	Sử dụng thuốc trừ có an toàn hiệu quả trên cây lúa.	01	Đài TRT	Toàn tỉnh
4	Phóng sự truyền hình	Quảng bá Mô hình sản xuất hành lá theo hướng VietGAP tại Phường Hương An	01	Đài TRT	Toàn tỉnh
5	Phóng sự (tọa đàm)	Chăn nuôi đảm bảo An toàn sinh học, ATVSTP	01	Các khán giả xem truyền hình VTV8	Toàn quốc
6	Phóng sự (TRT, VTV8)	Thực hiện chuyên mục về vệ sinh an toàn thực phẩm trong hoạt động chăn nuôi, giết mổ kinh doanh động vật giai đoạn trước, trong và sau Tết Đinh Dậu 2017; Tết Đoan Ngọ 2017	03		Toàn tỉnh
7	Tuyên truyền hàng ngày	Thanh Tra Chi cục hàng ngày phối hợp với Ban quản lý các chợ tiến hành kiểm tra, tuyên truyền việc kinh doanh sản phẩm động vật đảm bảo rõ nguồn gốc và an toàn vệ sinh thực phẩm phục vụ người tiêu dùng.	Hằng ngày	Các hộ kinh doanh, mua bán sản phẩm động vật tại các chợ	Toàn tỉnh
8	Bản tin	Quan trắc môi trường những sản phẩm không đảm bảo chất lượng, không nằm trong danh mục cho phép được lưu hành do Chi cục phát hiện	03 lần/tin	Đài TRT	Toàn tỉnh
9	Bản tin	- Công khai kết quả kiểm tra, xếp loại các cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh đầu năm 2017. - Công khai kết quả kiểm tra, xếp loại các cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2017.	>50	Trang Web của Sở Nông nghiệp và PTNT	

		<ul style="list-style-type: none"> - Lấy mẫu giám sát nguy cơ gây mất an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh. - Công tác xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. - Tham gia hội chợ gian hàng tại Đà Nẵng. - 02 bản tin thị trường nông sản tuần thứ 2,3 tháng 10. - Thịt heo bị tiêm thuốc an thần gây hại cho người như thế nào? - Và các tin bài khác - Thông tin về khóa tập huấn, sự cần thiết phải quản lý giống cây trồng LN 			
10	Sản phẩm truyền thông				
a	Pano	Truyền thông về an toàn thực phẩm	08 bảng	Các hộ sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản tại các vùng trọng điểm	
b	Tờ rơi	Về an toàn thực phẩm và bảo quản nông sản	5.794 tờ	Các hộ sản xuất, kinh doanh nông sản và thủy sản	
c	Băng rôn	Nói không với thực phẩm bẩn	100 cái	các huyện	

Phụ lục 2

Danh sách chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNNPTNT ngày /12/2017 của Sở NN và PTNT)

T T	Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất ban đầu	Tên, địa chỉ cơ sở thu mua sơ chế, chế biến, giết mổ, chế biến bảo quản, vận chuyển	Tên, địa chỉ nơi bán sản phẩm	Loại sản phẩm	Đã được cấp giấy xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm AT
1	- HTX Phú Lương 1, địa chỉ: Xã Phú Lương, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. - HTX Phù Bài, địa chỉ: Xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, tỉnh TT Huế.	- Xí nghiệp chế biến gạo hữu cơ Quê Lâm Tứ Hạ - Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tứ Hạ, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh TT Huế.	- Công ty TNHH MTV Nông sản hữu cơ Quê Lâm. - Địa chỉ: 101 Phan Đình Phùng, phường Vĩnh Ninh, TP Huế.	Gạo thom (BT7), Gạo dẻo (DT39-QL), gạo hàm hương (j02-QL); thịt lợn	Đã chứng nhận
2	- HTX Phú Lương 1, địa chỉ: Xã Phú Lương, huyện Phú Vang, TT Huế. - HTX Phù Bài, địa chỉ: Xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, TT Huế.	- Cơ sở giết mổ gia súc Lê Quý Kệ, - Địa chỉ: Phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.	- Công ty TNHH MTV Nông sản hữu cơ Quê Lâm. -- - Địa chỉ: 101 Phan Đình Phùng, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế.	Thịt lợn	Đã chứng nhận
3	- Trang trại Hữu cơ Huế Việt, địa chỉ: Thôn Lại Bằng, phường Hương Vân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. - Hộ Nguyễn Thị Vân, địa chỉ: phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.	- Cơ sở giết mổ gia súc Võ Văn Long, - Địa chỉ: thôn Bàu Đưng, phường Hương Văn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.	- Thực phẩm Hữu cơ Huế Việt thuộc Công ty TNHH một thành viên Hữu cơ Huế Việt. - Địa chỉ: 19 Trường Chinh, phường An Cựu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Thịt lợn	Đã chứng nhận
4	Vùng trồng rau má Quảng Thọ đã được chứng nhận VietGAP (40 ha)	Hợp tác xã Quảng Thọ II - Xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền	- Các siêu thị, các cửa hàng trong tỉnh và cả nước	- Trà sấy khô. - Trà túi lọc.	Chưa
5	Vùng trồng 8 loại rau ăn lá Quảng Thành đã được chứng nhận VietGAP (35 ha)	Cơ sở thu mua Hóa Châu, xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền	- Cơ sở Hóa Châu, xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền, TT Huế.	Rau tươi	Chưa
6	Vùng trồng hành lá Hương An đã được chứng nhận VietGAP (17 ha).	Các hộ thu mua trong xã (chưa có giấy đủ điều kiện ATTP)	- HTX Nông nghiệp Hương An, Phường Hương An, Thị xã Hương Trà.	Hành lá tươi	Chưa

Phụ lục 3:

Bảng tổng hợp mẫu giám sát an toàn thực phẩm

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNNPTNT ngày /12/2017 của Sở NN và PTNT)

STT	Loại mẫu giám sát	Chỉ tiêu giám sát	Mẫu vi phạm trong năm 2017		
			Số mẫu vi phạm/số mẫu giám sát	Chỉ tiêu vi phạm	Tỷ lệ vi phạm (%)
1	Thịt tươi các loại	Chất cấm			
		Hóa chất, kháng sinh	- 0/15 salbutamol (Labo) - 0/4 Salbutamol (test nhanh) - 0/4 Clenbuterol (test nhanh) - 0/4 Focmon (test nhanh) - 0/2 Sunfit (test nhanh)	0	0
		Vi sinh	0/10 (test nhanh)	0	0
2	Thịt chế biến	Chất cấm	- 43/162 hàn the (test nhanh) - 05/15 hàn the (Labo)	Hàn the	27,1
		Hóa chất, kháng sinh	- 0/2 Phẩm màu (test nhanh)	0	0
		Vi sinh	0	0	0
3	Rau, củ, quả	Thuốc BVTV	- 0/23 đa dư lượng BVTV (Labo) - 0/8 mẫu (test nhanh)	0	0
		Vi sinh	0	0	0
4	Sản phẩm nguồn gốc thực vật khác (măng, dưa muối, chè, cà phê...)	Vi sinh	0	0	0
		Hóa chất, thuốc BVTV	-12/67 Nitrat (test nhanh). - 0/5 Hypoclorid (test nhanh). - 0/5 Salicylic (test nhanh). - 0/4 phẩm màu (test nhanh).	Nitrat	14,8
		Chất cấm	- 0/3 sasilic (test nhanh) - 0/10 mẫu giá đỗ chỉ tiêu 6- BAP (labo) - 01/10 Vàng ô -măng luộc, cải chua (Labo)	Vàng ô (Auramine O)	4,3
5	Thủy sản nuôi	Kháng sinh cấm, chất cấm	0	0	0
		Hóa chất, kháng sinh	0/37 dư lượng kháng sinh, kim loại nặng (dư lượng)	0	0
		Vi sinh	0	0	0
6	Thủy sản chế biến (thu mua)	Chất cấm	0	0	0
		Hóa chất, kháng sinh	- 07/20 mẫu thủy sản và sản phẩm chế biến từ thủy sản (Labo) - 0/11 sunfit (test nhanh) - 0/15 focmon (test nhanh) - 0/9 ure (test nhanh)	Chì, Cadimi	12
		Vi sinh	0	0	0

